

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 16/4/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG – TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tâm và ông Hoàng Minh Hải;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-DS ngày 25/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; Có mặt;

Ông Nguyễn Trọng S; sinh năm 1963; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: T7, xã X, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L ; sinh năm 1974; vắng mặt.

Địa chỉ: T7, xã X, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn trình bày:

Gia đình bà H, ông S và bà L là chỗ quen biết, vào ngày 06/12/2017 âm lịch (nhằm ngày 22/01/2018 DL) cho bà L vay lần thứ nhất số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), khi vay hai bên có viết giấy tay với nhau, lãi suất thỏa thuận 3%, hạn đến 06/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 18/7/2018 DL) sẽ trả. Đến ngày 25/12/2017 âm lịch (nhằm ngày 10/02/2018 DL) cho bà L vay lần thứ hai với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), có viết giấy tờ với nhau, hạn thời hạn trả là 01 tháng, lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà L đã trả cho vợ chồng bà H hai lần là 14.000.000 đồng tiền lãi. Tại đơn khởi kiện ông S và bà H yêu

cầu bà L phải trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 9.700.000 đồng. Tuy nhiên, trên cơ sở lời khai của bà L và các chứng cứ cung cấp cho Tòa án thì tính đến ngày xét xử bà L đã trả lãi cho ông S và bà H với số tiền lãi là đúng với quy định pháp luật. Do đó ông S và bà H đồng ý rút yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng S số tiền gốc còn nợ hai lần vay là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Về chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã nộp các bản gốc cho Tòa án gồm các giấy vay nợ ngày 06/12/2017 âm lịch (nhằm ngày 22/01/2018 DL) và ngày 25/12/2017 âm lịch (nhằm ngày 10/02/2018 DL) để có căn cứ giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2020 bà Nguyễn Thị L trình bày: Lời trình bày về việc vay nợ trên của ông S và bà H là đúng. Bà L đồng ý trả cho ông S và bà H 50.000.000 đồng tiền gốc. Về lãi suất bà H và ông S đồng ý rút thì bà L không có ý kiến gì. Nay điều kiện gia đình khó khăn nên xin trả nhiều lần. Nhưng ông S và bà H không đồng ý.

Quá trình làm việc bà L không chấp hành theo các văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt. Vì vậy, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được vụ án. Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song. Thẩm phán đã xác định đúng về tư cách pháp lý và mối quan hệ của các bên trong quá trình tham gia tố tụng. Đảm bảo việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 170, 177 BLTTDS.

Tòa án thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 96, 97 BLTTDS. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, lập các biên bản công khai chứng cứ, hòa giải không được theo quy định tại các Điều 10, 98, 108, 109, 208 BLTTDS.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: 357, 463, 465, 466, 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị, Hội đồng xét xử (HĐXX)

Tuyên xử:

1. Đình chỉ về phần yêu cầu tính lãi suất theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng S với số tiền tạm tính là 9.700.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng S.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng S số tiền gốc 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Các nội dung khác: HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng S khởi kiện bà Nguyễn Thị L trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, HĐXX nhận thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bà Nguyễn Thị L hiện đang cư trú tại T7, xã X, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các giấy xác nhận nợ vào cuối năm 2017, đến ngày 17/9/2019 bà H và ông S khởi kiện nên vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS;

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173, Điều 175 và Điều 177 BLTTDS. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Xét về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét nguồn gốc số nợ giữa bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị L đã ký xác nhận nợ vào các giấy vay tiền ngày 06/12/2017 âm lịch (nhằm ngày 22/01/2018 DL) và ngày 25/12/2017 âm lịch (nhằm ngày 10/02/2018 DL) đầy đủ, chữ ký người vay tiền là của bà L, quá trình giải quyết vụ án bà L khẳng định số tiền gốc vay 02 lần tổng cộng 50.000.000 đồng là đúng, việc vay mượn các bên thể hiện lãi suất và ngày vay, ngày trả. Vì vậy, HĐXX xét thấy lời khai của các đương sự phù hợp với chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.2] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện ngày 17/9/2019 ông S và bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả số tiền lãi suất tạm tính từ ngày vay đến ngày khởi kiện là 24.500.000 đồng, được trừ số tiền lãi đã trả 02 lần là 14.000.000 đồng, số lãi

còn lại phải trả là 9.700.000 đồng. Tuy nhiên, đối chiếu quy định của pháp luật thì số tiền lãi bà L đã trả là phù hợp với quy định của pháp luật, tính đến thời điểm xét xử. Vì vậy, bà H và ông S rút về phần yêu cầu tính lãi suất. Xét việc rút này là tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ về phần yêu cầu tính lãi suất số tiền 9.700.000 đồng.

Từ phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà H và ông S là phù hợp nên chấp nhận: Buộc bà L phải trả cho bà H và ông S số tiền gốc 50.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng S được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả lại số tiền 1.493.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng S theo biên lai số 0002373 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 93, khoản 1 Điều 96, Điều 143; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 463, 465, 466, 468, Điều 470 BLDS năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ về phần yêu cầu tính lãi suất theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng S với số tiền tạm tính là 9.700.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng S.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng S số tiền gốc 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng S số tiền nộp tạm ứng án phí 1.493.000 đồng (*một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002373 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhân

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đăk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà